TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **97** /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 11 - 2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thủy

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Đoan

2. Ông Phạm Quốc Vượng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 165/2021/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị P, sinh năm 1992 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Tư L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Anh Điểu T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Tư L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của nguyên đơn chị Thị P:

Chị Thị P và anh Điểu T kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do anh Điểu T không chăm lo cho gia đình, có đi làm nhưng không đóng góp chi phí cùng chị Thị P để nuôi con. Sự việc trên kéo dài dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, không còn sống cùng nhau khoảng 01 năm nay. Do vậy, chị P yêu cầu ly hôn với anh Điểu T.

Vợ chồng có 02 con chung là Thị B, sinh ngày 03/4/2012; Điểu Minh T, sinh ngày 03/11/2013, khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị P và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Điểu T trình bày:

Anh T và chị Thị P kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm lẫn nhau nên vợ chồng xảy ra cãi vã, sau đó chị P về nhà cha mẹ đẻ ở đến nay đã gần 01 năm. Về yêu cầu ly hôn của chị Thị P, anh Điểu T không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng về tiếp tục chung sống và cùng nhau nuôi dưỡng các con.

Về hai con chung Thị B, sinh ngày 03/4/2012 và Điểu Minh T, sinh ngày 03/11/2013, nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì đề nghị giao con theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị Thị P ly hôn với anh Điểu T. Giao hai con chung Thị B, sinh ngày 03/4/2012; Điểu Minh T, sinh ngày 03/11/2013 cho chị Thị P nuôi dưỡng,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Thị P yêu cầu ly hôn với anh Điểu T, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện H, nên đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Anh Điểu T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa, chị Thị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Điểu T và chị Thị P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Điểu T và chị Thị P tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị P xác định vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên tranh cãi nên đã không còn sống chung gần một năm nay, vợ chồng đã không thể hàn gắn, không còn tình cảm nên chị P yêu cầu được ly hôn. Anh T thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quá trình chung sống, vợ chồng không có sự quan tâm lẫn nhau, tuy nhiên, anh T không đồng ý ly hôn vì muốn cùng chị P chăm lo các con.

Xét về yêu cầu ly hôn của chị P Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là vợ chồng yêu thương lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình, chung sống bình đẳng, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ trình bày của các đương sự thấy được giữa chị P và anh T có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết, tuy đã sống riêng gần 01 năm vẫn không thể hàn gắn tình cảm với nhau, như vậy có thể xác định mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thị P ly hôn với anh Điểu T.

[3] Về con chung: Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con Thị B, sinh ngày 03/4/2012; Điểu Minh T, sinh ngày 03/11/2013, cả 02 con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ, anh Điểu T đồng ý theo nguyện vọng của con. Do vậy, yêu cầu của chị P về con chung được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị P không yêu cầu anh T dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung chị P và anh T thống nhất tự thỏa thuận nên không giải quyết. Về nợ chung các đương sự xác định không có nợ chung nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Thị P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị P được ly hôn với anh Điểu T.

2. Về con chung: Giao con chung Thị B, sinh ngày 03/4/2012; Điểu Minh T, sinh ngày 03/11/2013 cho chị Thị P nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thị P không yêu cầu nên anh Điểu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Thị P phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào tạm ứng án phí chị Thị P đã nộp theo biên lai thu số 0013528 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản
- Các đương sư
- Nơi ĐKKH
- CCTHADS huyện Hớn Quản
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Thủy